

Bản án số: 48/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 10/9/2024

"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời; Ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST – HNGĐ ngày 17/8/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Tăng Thị H, sinh năm 1988.

ĐKKHKT: Số nhà 28/22/338, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: Số nhà A, đội C P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

***Người làm chứng:**

Bà Lê Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà A, đội C P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Tăng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh Q tại số B Đ, khu F, phường T, thành phố H. Quá trình chung

sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Q không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời rượu chè, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đi chơi đêm về chửi bới chị và các con. Chị đã khuyên bảo và cho anh Q nhiều cơ hội nhưng chỉ được vài ngày anh Q lại chứng nào tật nấy, không thay đổi tính nết. Do không chịu được tính cách của anh Q, chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại phường T, thành phố H ở từ khoảng tháng 6 năm 2024, trong thời gian chị chuyển về nhà mẹ đẻ ở anh Q cũng không hỏi thăm và liên lạc để tìm chị về chung sống, vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo nhưng chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên không quay về chung sống cùng anh Q. Anh Q hiện nay vẫn làm ăn sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ tại số B Đ khu F, phường T, thành phố H. Khi chị làm đơn xin ly hôn chị cũng đã thông báo cho anh Q và nhiều lần khuyên bảo anh Q đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng anh Q nói với chị không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án trình bày quan điểm. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q để chị ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị H xác định chị và anh Q có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/2006; Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012. Ly hôn cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xin nhận nuôi con là Nguyễn Thị D để anh Q nuôi con Nguyễn Đức T1 và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập khoảng 7 – 8 triệu đồng /tháng đủ khả năng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Đức Q trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại 2 Đ, khu F, phường T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sống nhiều lần, anh cũng đã khuyên bảo chị H về chung sống cùng anh nhưng chị H không về. Chị H làm đơn xin ly hôn anh Q không đồng ý. Anh Q đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh không đồng ý ly hôn chị H nên không đến tòa án làm việc, chị H đơn phương xin ly hôn là việc của chị ấy.

- **Về quan hệ con chung:** Anh Q xác định anh và chị H có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/2006; Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012. Nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

3. Người làm chứng bà Lê Thị L (là mẹ anh Q) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Q và mẹ chồng của chị H, chị H anh Q kết hôn vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng bà. Trong quá trình chung sống, do anh quý có thói quen uống rượu, chị H khuyên bảo không được nên hai vợ chồng có xảy ra xô xát cãi nhau. Từ khoảng đầu tháng 7 năm 2024, chị H về nhà mẹ đẻ ở và làm đơn xin ly hôn anh Q. Trong quá trình chung sống với anh Q, chị H cũng đã 05 lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở sau đó lại quay về sống cùng anh Q. Gia đình bà cũng đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H vẫn quyết tâm xin ly hôn. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về chung sống với nhau. Quá trình chung sống, anh Q chị H có ba con chung. Hiện nay, cháu thứ hai là Nguyễn Thị D đang ở với mẹ, còn cháu thứ nhất và thứ ba là Nguyễn Thị T và Nguyễn Hữu T2 đang ở với bố. Vợ chồng anh Q chị H không có tài sản chung.

Anh Q con bà hiện vẫn đang sinh sống cùng bà ở địa chỉ 2 Đ, phường T. Hiện nay anh Q đi làm điện nước, Tòa án giao cho anh Q các văn bản tố tụng bà L nhận thay anh Q và đã giao tận tay anh Q. Anh Q có nói với bà không đồng ý ly hôn, về con chung thì anh Q không có quan điểm gì.

4. Người làm chứng bà Bùi Thị M (là mẹ đẻ chị H) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Tăng Thị H, và là mẹ vợ của anh Nguyễn Đức Q. Chị H và anh Q kết hôn với nhau vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H về sống với gia đình bố mẹ chồng chị H tại địa chỉ số B Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh Q có xảy ra mâu thuẫn và cãi vã nhau. Nguyên nhân do anh Q chơi bời rượu chè, mỗi lần say về chửi mắng vợ con, ngoài ra vợ chồng có mâu thuẫn gì khác bà cũng không nắm được vì vợ chồng chị H không sống cùng với bà. Do không chịu được tính tình của anh Q nên chị H đã nhiều lần bỏ về nhà bà sinh sống được khoảng 01 thời gian sau đó anh Q có đến tìm chị H về chung sống và khuyên chị H về đoàn tụ, bà cũng động viên chị H quay về sống cùng anh Q cùng nuôi dạy con chung thì chị H đồng ý và quay về chung sống với anh Q nhưng cũng chỉ được khoảng một thời gian anh Q vẫn chơi bời, rượu chè và không thay đổi tính nết, không quan tâm đến vợ con nên từ giữ tháng 6 năm 2024 đến nay chị H lại về nhà bà sống. Bà cũng không thấy anh Q đến tìm chị H hay gọi điện hỏi han chị H, mỗi người có cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Đến nay chị H làm đơn xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Quá trình chung sống, chị H và anh Q có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/2006, Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008 và Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012. Nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi thì bà đồng ý để chị H và con sinh sống cùng gia đình bà, nhà cửa rộng rãi thoáng mát, đảm bảo điều kiện về chỗ ở và sinh hoạt cho chị H và con.

Quá trình chị H và anh Q chung sống có tài sản gì chung hay không bà không nắm được.

5. Xác minh với ông Đào Duy B (trưởng khu) trình bày: Chị H và anh Q là công dân sinh sống tại khu F phường T thành phố H. Trong quá trình chung sống, do anh Q hay uống rượu chè say xỉn nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn còn mâu thuẫn cụ thể ông không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không

nhờ khu hòa giải. Nay chị H xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q; Về con chung: Chị H xin nhận nuôi con Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008 để anh Q nuôi con Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012 và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Tăng Thị H ly hôn anh Nguyễn Đức Q. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Tăng Thị H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008; Anh Nguyễn Nguyễn Đức Q nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Q, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Tăng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn anh Nguyễn Đức Q đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại số nhà B Đ, phường T, thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- **Về sự vắng mặt của bị đơn và những người làm chứng:** Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở. T3 khu cũng như mẹ đẻ anh Q xác định anh Q hiện nay vẫn làm ăn sinh sống tại số nhà B Đ, phường T, thành phố H. Mẹ đẻ anh Q xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo đầy đủ nội dung cho anh Q, mặt khác anh Q cũng được Tòa án tổng đạt

các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng bà Lê Thị L, bà Bùi thị M1 vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị H và anh Nguyễn Đức Q kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H và gia đình trình bày do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Q không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình, thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị H đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và cũng nhiều lần quay lại chung sống cùng anh Q nhưng anh Q không thay đổi tính nết. Từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến nay chị H đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người ở một nơi và có công việc riêng, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về chung sống với anh Q.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H nhiều lần về nhà mẹ đẻ ở, anh cũng khuyên bảo chị H về chung sống cùng anh nhưng chị H không về.

Anh Q không đồng ý ly hôn chị H nhưng không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải mặc kệ chị H làm đơn xin ly hôn đơn phương, điều này chứng tỏ anh Q không mong muốn đoàn tụ, cố tình gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị Tăng Thị H ly hôn anh Nguyễn Đức Q là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/2006; Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008; Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay cháu D đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H xin nhận nuôi con Nguyễn Thị D để anh Q nuôi con Nguyễn Đức T1 và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Thị D và Nguyễn Đức T1 đều đã trên 7 tuổi, cháu D có quan điểm xin ở với mẹ, cháu T1 có quan điểm xin ở với bố để tiện việc học

hành. Xét về tính chất công việc chị H hiện đi làm công nhân có mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Anh Q hiện đi làm thợ điện nước và cũng có thu nhập. Do vậy để đảm bảo nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đức T1 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Do chị H, anh Q mỗi người nuôi 01 con nên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh Q có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[3]. Về án phí: Chị Tăng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Tăng Thị H ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Tăng Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 25/5/2008; Anh Nguyễn Đức Q nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 29/12/2012 kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tăng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003343 ngày 26/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

